

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2018/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2018
V/v: Ly hôn giữa bà Đ và ông Đ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Khánh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan

Ông Nguyễn Đình Cải

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Soan - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Ngày 23-01-2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 439/2017/TLST-HNGĐ ngày 18-10-2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2017/QĐST-HNGĐ ngày 18-12-2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Hà Thị Đ, sinh năm 1959

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà g H, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ cư trú: Số nhà k đường B, phường P, thành phố N, tỉnh Nam Định

- Bị đơn: Ông Phạm Đức Đ, sinh năm 1954

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà g H, phường Trần Hưng Đ, thành phố N, tỉnh Nam Định

Địa chỉ cư trú: Số nhà k ngõ A, phường Q, thành phố N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà Đ có mặt, ông Đ vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 18-10-2017, bản tự khai ngày 26-10-2017 quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Hà Thị Đ trình bày:

Bà và ông Phạm Đức Đ tự nguyện kết hôn, đã đăng ký kết hôn năm 1978 tại Ủy ban nhân dân thành phố N. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do kinh tế khó khăn, bà không có thời gian chăm lo cuộc sống gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra nhiều bất đồng. Bà đã bỏ về nhà ngoại sinh sống khoảng 20 năm nay, ông Đ không còn quan tâm đến bà, nên tình cảm vợ chồng không còn, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc T, sinh năm 1983 và Phạm Quốc V, sinh năm 1985. Các con đều đã trưởng thành có gia đình riêng.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho ông Đ đến để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng nhưng ông Đ không đến mà không có lý do.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 13-11-2017, Tổ trưởng Tổ dân phố số A, phường Q, thành phố N nơi ông Đ cư trú đã xác nhận vợ chồng ông Đ, bà Đ trong thời gian chung sống có xảy ra mâu thuẫn. Rất nhiều năm gần đây bà Đ đã chuyển đi nơi khác, vợ chồng không còn sống cùng nhau. Nay bà Đ xin ly hôn, Tổ dân phố đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định phát biểu quan điểm:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị xử lý hôn giữa bà Đ và ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng trực tiếp cho ông Đ nhưng ông Đ không nhận nên đã tiến hành niêm yết công khai hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa lần thứ nhất nhưng ông Đ vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hà Thị Đ và ông Phạm Đức Đ tự nguyện kết hôn theo phong tục tập quán địa phương, theo trình bày của bà Đ ông bà có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố N năm 1978 nhưng do thời gian quá lâu bà không còn Giấy đăng ký kết hôn. Phòng Tư pháp của UBND thành phố N đã xác nhận không có tên bà Đ, ông Đ trong hồ sơ gốc và trong sổ Đăng ký kết hôn còn lưu giữ tại UBND thành phố N nên không xác định được có đăng ký kết hôn; do vậy theo quy định Nghị quyết 35/2000/QH10 Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 tại điểm a Điều 3 “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03-01-1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Quan hệ vợ chồng bà Đ ông Đ phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do kinh tế khó khăn, vợ chồng không có sự thông cảm và chia sẻ nên không có hạnh phúc. Bà Đ đã bỏ đi ở nơi khác, vợ chồng ly thân đã nhiều năm, không còn quan tâm gì đến nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án ông Đ cũng không nhận các văn bản tố tụng, không đến Tòa án giải quyết mâu thuẫn gia đình; bà Đ xác định tình cảm không còn nên kiên quyết xin ly hôn. Chứng tỏ hôn nhân của bà Đ và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đ là phù hợp quy định tại Điều 89, Điều 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Phạm Ngọc T, sinh năm 1983 và Phạm Quốc V, sinh năm 1985. Các con đều đã trưởng thành, có gia đình riêng nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Bà Đ không yêu cầu nên Tòa án cũng không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a Điều 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 Quốc hội về thi hành Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa bà Hà Thị Đ và ông Phạm Đức Đ.

2. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà Đ đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000635 ngày 18-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định.

Bà Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND thành phố N;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Công Khánh